

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 564/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Xuân Thảo

2. Ông Hà Nguyễn Minh Nam

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Bích P - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 0481/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: đường M, phường N, quận O, TP.HCM.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Kim T – Luật sư của Văn phòng luật sư Kim T & Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: đường B, phường C, quận O, TP.HCM.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:*

Quan hệ về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh Q tự nguyện kết hôn vào năm 2012, được Ủy ban nhân dân phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01/2012 ngày 10 tháng 11 năm 2012. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai năm gần đây, ông bà thường xuyên tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau trước mặt con, cuộc sống chung của cả hai không còn hạnh phúc. Dù bà đã cố gắng dung hòa nhằm hàn gắn tình cảm nhưng ông bà vẫn không tìm được tiếng nói chung. Bà và ông Q đã ly thân một năm nay, phần ai người đó sống, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay ông Q đã dọn ra ngoài sinh sống, không còn chung sống với bà và con chung nữa, mâu thuẫn của ông bà đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Quan hệ về nuôi con: Bà và ông Q có 01 con chung tên Nguyễn Minh Nhật K, sinh ngày 07/5/2015. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về khả năng nuôi trẻ K: Bà đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh về khả năng nuôi con, bà hoàn toàn có đủ khả năng về kinh tế để đảm bảo những điều kiện học hành tốt nhất cho con. Hiện nay trẻ K đang sống cùng bà và ông bà ngoại tại địa chỉ đường M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà này của ba mẹ bà, bà đã sống tại đây từ nhỏ. Khi bà và ông Q lấy nhau cũng về sống tại đây. Trẻ K hiện đang học tại Trường mầm non Sơn Ca 11, đây là ngôi trường gần nhà, từ trước đến nay bà vẫn luôn là người đưa đón con đi học. Bà làm việc theo giờ hành chính nên có thể chủ động thời gian để chăm sóc con. Đối với yêu cầu được nuôi con của ông Q bà không đồng ý, vì dù cho ông Q có mức lương cao hơn bà, nhưng từ trước đến nay việc chăm sóc con đều do bà làm, ông Q không có nhiều thời gian như bà trong việc chăm sóc con, bản ông ông Q cũng không biết cách chăm sóc con nhỏ. Hiện trẻ K đang học ngay trường gần nhà, yêu cô, mến bạn, thói quen sinh hoạt đã ổn định. Ngoài ra, trẻ còn được sống chung với

ông bà ngoại, trẻ đang được sống trong tình yêu thương, ổn định và đầy đủ từ trước đến giờ nên nếu giao con cho ông Q nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo tối đa Q lợi và sự phát triển ổn định của trẻ. Mặt khác, ông Q cũng có một con chung với vợ trước nên bà không muốn con của bà về sống chung với con riêng của ông Q vì trẻ còn quá nhỏ.

Quan hệ về chia tài sản: Bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các vấn đề khác: Bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 16 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Nguyễn Thanh Q trình bày:*

Quan hệ về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc P tự nguyện kết hôn vào năm 2012, được Ủy ban nhân dân Phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyền số 01/2012 ngày 10 tháng 11 năm 2012. Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà P ông không đồng ý. Ông trình bày nội dung mâu thuẫn cụ thể như sau: Khi kết hôn ông về sống chung với gia đình bà P, tuy nhiên sau khi xảy ra mâu thuẫn ông đã dọn ra ngoài ở riêng. Việc xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do tình cảm từ phía bà P. Thời gian đầu kết hôn ông bà sống rất hạnh phúc, những mâu thuẫn xuất phát từ cảm xúc của bà P tự phán xét mà không chia sẻ hay trao đổi một cách rõ ràng với ông, không có thái độ tích cực trao đổi khi ông yêu cầu. Việc xảy ra tích tụ từ quan niệm của bà P đã ảnh hưởng quá lớn về tinh thần và việc làm của ông. Sự việc xảy ra như sau: Vào cuối tháng 6/2019 bà P cùng gia đình đi du lịch Nha Trang về, buổi sáng hôm đó, ông đang nằm trong phòng, khi đó ông cũng đang giận vì bà P có mượn tiền và hứa trả, ông có hơi lớn tiếng. Bà P đã không kiềm chế và bắt đầu lớn tiếng làm âm cả gia đình, kể lể về những lỗi lầm do ông mà ra, làm ông mất hết tư cách. Cả nhà bà P đuổi ông đi trong khi ông không còn nhiều tiền để sinh sống. Ông đã chịu đựng bốn ngày bị nhốt trong phòng vì thương con, ông bị làm nhục và cưỡng chế ra khỏi nhà trong khi không được trình bày lý lẽ đúng sai. Ông mong gia đình được đoàn tụ.

Quan hệ về nuôi con: Ông và bà P có 01 con chung tên Nguyễn Minh Nhật K, sinh ngày 07/5/2015. Trong trường hợp Tòa giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về khả năng nuôi trẻ K: Hiện nay ông đang làm việc tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên với mức lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng và trường Green Art Academi Hàn Quốc với mức lương khoảng 13.000.000 đồng/tháng. Trước đây ông đã từng có một đời vợ và một con riêng tên Nguyễn Minh Nhật Khoa, sinh năm 2000. Con riêng của ông hiện đang sống chung với vợ trước. Sau khi xảy ra mâu thuẫn với bà P và rời khỏi nhà, ông đang thuê nhà trọ ở tạm, trong trường hợp ly hôn ông sẽ đưa hai con là cháu K và Khoa về sống và làm việc tại địa chỉ đường H, phường I, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh, đây tài sản chung của ông với vợ trước. Căn nhà này hiện vẫn chưa được chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn

Quan hệ về chia tài sản: Ông Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các vấn đề khác: Ông Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:*

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Thanh Q tự nguyện kết hôn vào năm 2012. Trong quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và chênh lệch tuổi tác. Từ tháng 7/2019 đến nay, ông Q và bà P đã không còn sống chung. Tại phiên tòa, hai bên đều thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với ông Nguyễn Thanh Q.

2/ Về con chung: Bà P và ông Q có một con chung là cháu Nguyễn Minh Nhật K, sinh ngày 07/5/2015, hiện nay cháu K đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại. Tại bản tự khai bổ sung của bà P ngày 20/7/2020, bà P trình bày

từ lúc cháu K sinh ra đến nay, bà là người chủ yếu và trực tiếp chăm lo việc ăn ngủ, đưa đón con đi học, vui chơi cùng con. Còn đối với ông Q, trước khi kết hôn cùng bà P ông Q đã có một đời vợ và một người con riêng. Hơn nữa hiện nay ông Q đang thuê nhà sống một mình, nên ông không có đủ điều kiện chăm sóc cháu K tốt bằng bà P. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà P, giao cháu K cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q được Q thăm nom con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên đề nghị tòa ghi nhận sự thỏa thuận này.

3/ Về nợ chung các bên xác định không có, nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P thống nhất với trình bày của luật sư và không bổ sung ý kiến.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Q trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà P. Ông giữ nguyên trình bày về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

*[1.1] Quan hệ tranh chấp:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh Q. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Căn cứ phúc đáp của Công an Phường Y, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung ông Q hiện đang tạm trú tại địa chỉ đường X, phường Y, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[1.3] Việc thu thập chứng cứ:*

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành bà P và ông Q khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

[2] Nội dung:

*[2.1] Quan hệ về hôn nhân:*

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyền số 01/2012 ngày 10 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Thanh Q là hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: “1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Thanh Q không còn chung sống với nhau tại địa chỉ đường M, phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 03 năm 2019 đến nay. 2/ Ông Q và bà P sống cùng cha mẹ của bà P. Ông Q và bà P đều là giảng

viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, thu nhập ổn định, hàng tháng có đóng góp cho cha mẹ vợ 4.000.000 đồng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do lỗi của ông Q trong sinh hoạt hàng ngày, ông không phụ giúp vợ, không chăm sóc dạy dỗ con phụ vợ. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức rất trầm trọng thường xuyên cãi nhau, đỉnh điểm là tháng 3 năm 2019 ông đã bỏ đi nơi khác sống. Nguyên vọng của bà P là muốn ly hôn vì không thể hàn gắn hạnh phúc được.”

Xét: Nội dung trình bày của bà P phù hợp với nội dung kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hai bên đều xác nhận giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, không có tiếng nói chung, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

*[2.2] Quan hệ về nuôi con:*

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 42, quyền số 01/2015 ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định bà P và ông Q có 01 con chung tên Nguyễn Minh Nhật K, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2015.

Căn cứ vào các Hợp đồng lao động LABOUR CONTRACT số 23-20 HDBTG/GIT; Bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng số CT001/KH ngày 21/07/2020; Hợp đồng giảng dạy số 12/2019/HĐ-GV ngày 18/02/2019; Hợp đồng giảng dạy số 12/2019/HĐ-GV ngày 26/03/2019; Hợp đồng giảng dạy số 12/2019/HĐ-GV ngày 08/05/2019; Hợp đồng giảng dạy số 12/2019/HĐ-GV ngày 12/06/2019; Hợp đồng giảng dạy số 12/2019/HĐ-GV ngày 17/07/2019; Hợp đồng giảng dạy số 12/2019/HĐ-GV ngày 20/08/2019; Hợp đồng giảng

dạy số 12/2019/HĐ-GV ngày 26/09/2019; Hợp đồng giảng dạy số 12/2019/HĐ-GV ngày 04/11/2019; Hợp đồng giảng dạy số 12/2019/HĐ-GV ngày 09/12/2019; Hợp đồng giảng dạy số 11/2020/HĐ-GV ngày 04/05/2020; Hợp đồng giảng dạy số 11/2020/HĐ-GV ngày 02/06/2020 thể hiện ông Q hiện nay có công việc ổn định tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên với mức lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng và trường Green Art Academi Hàn Quốc với mức lương khoảng 13.000.000 đồng/tháng.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc số 1130/2002 ngày 29/10/2002 do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thể hiện ông Nguyễn Thanh Q và bà Nguyễn Thị Phương L là chủ sở hữu nhà và đất tại địa chỉ đường H, phường I, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Hợp đồng Thỉnh giảng số 484/HĐTG-ĐKC ngày 05/9/2018, bảng kê thu nhập cá nhân năm 2019; bảng kê thu nhập cá nhân năm 2020 thể hiện bà P hiện nay có công việc ổn định tại trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh với mức lương khoảng 8.000.000 đồng.

Xét, Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con của cả bà P và ông Q đều là xuất phát từ tình thương và trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Tuy nhiên việc giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải cân nhắc tới việc đảm bảo cuộc sống của con về mọi mặt. Xét thấy bà P và ông Q đều có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở để đảm bảo môi trường sống và sinh hoạt cho con. Tuy nhiên, con chung hiện đang sống cùng bà P, phát triển tốt về mọi mặt, có môi trường sống và học tập ổn định. Do đó, vì bảo đảm lợi ích cho sự phát triển ổn định của trẻ, tránh ảnh hưởng tâm lý do thay đổi môi trường sống, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P về việc được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Minh Nhật K là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Quan hệ về chia tài sản*: Bà P và ông Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.



[2.4] *Các vấn đề khác:* Bà P và ông Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] **Án phí:** Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] **Quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*Tuyên xử:*

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

Quan hệ về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc P được ly hôn ông Nguyễn Thanh Q (Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01/2012 ngày 10 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh).

**2. Quan hệ về nuôi con:** Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Thanh Q có 01 con chung tên Nguyễn Minh Nhật K, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2015.

Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Nhật K cho bà Nguyễn Thị Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Ngọc P không yêu cầu ông Nguyễn Thanh Q cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Thanh Q đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

**3. Quan hệ về chia tài sản:** Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Thanh Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Các vấn đề khác:** Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Thanh Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019047 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí.

**6. Nghĩa vụ thi hành án:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**7. Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Ủy ban nhân dân phường N, quận O, TP.HCM (để ghi vào sổ hộ tịch theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Hoàng Yến**